

## SỰ TIẾN TRIỂN CỦA ĐƯỜNG BỜ BIỂN THÁI BÌNH TRONG HOLOXEN MUỘN – HIỆN ĐẠI VÀ VẤN ĐỀ QUAI ĐÊ LẤN BIỂN

NGUYỄN ĐỨC KHẢ

Dựa vào các tài liệu địa chất—đệ tứ, địa mạo, các tài liệu lịch sử—khảo cổ và kết quả điều tra thực địa tiến hành tại khu vực nghiên cứu trong các năm 1983, 1984 và 1985, chúng tôi đã xác định được 7 đường bờ biển có tuổi từ Holoxen muộn ( $Q_{IV}^3$ ) đến hiện đại (sau năm 1974). Dưới đây chúng tôi lần lượt mô tả chúng theo thứ tự từ già đến trẻ, đồng thời cũng là thứ tự từ sâu trong nội địa ra phía biển.

1. Đường bờ biển Holoxen muộn ( $Q_{IV}^3$ ). Nhiều nhà nghiên cứu đã xác nhận đợt biển tiến lớn cuối cùng trong kỉ Đệ tứ ở đồng bằng Bắc Bộ xảy ra vào Holoxen giữa ( $Q_{IV}^2$ ) (Nguyễn Địch Di 1974, Nguyễn Đức Tâm, Hoàng Ngọc Kỉ 1975, Vũ Đình Chính 1977, Đỗ Tuyết 1977,...). Đợt biển tiến này đã thành tạo tầng trầm tích sét xám xanh và bột—sét vàng xám nguồn gốc biển ( $mQ_{IV}^2$ ). Sau đó biển lùi dần vào cuối Holoxen giữa—đầu Holoxen muộn. Trong quá trình lùi, biển đã tạm dừng và phối hợp với hệ dòng chảy trong khu vực thành tạo nên trên mặt đồng bằng tầng trầm tích tương tam giác châu tuổi Holoxen muộn (am  $Q_{IV}^3$ ).

Ranh giới giữa các tầng trầm tích tương tam giác châu (am  $Q_{IV}^3$ ) với các trầm tích biển ( $mQ_{IV}^2$ ) và đôi chỗ với các trầm tích aluvi ( $aQ_{IV}^3$ ) trên bề mặt đồng bằng đã xác nhận những đường nét cơ bản của bờ biển Holoxen muộn ( $Q_{IV}^3$ ) trong quá trình tạm dừng khi biển lùi. Trên bình đồ, đường bờ này có dạng tam giác lệch. Đỉnh ở khu vực Lục đầu giang, cạnh ngắn kéo dài ra phía Hải Phòng và cạnh dài kéo dài hơi lượn sóng ra phía Phát Diệm. Ở khu vực nghiên cứu nó chạy sát địa giới phía Tây—Bắc Thái Bình gần ngã ba sông Hồng và sông Luộc. Như vậy, dải đất thuộc huyện Hương Hà có tuổi cổ nhất của tỉnh Thái Bình (gần 3.000 năm).

2. Đường bờ biển thế kỉ X. Đường bờ biển này có 2 đặc trưng cơ bản a) chạy sát và gần như song song với các cồn cát biển cổ nằm trên địa phận phía đông của các huyện Kiến Xương và Đông Hưng. b) là ranh giới phân chia hai loại đất phân dị rất rõ rệt về tuổi và độ mặn.

Trên bình đồ, đường bờ chạy từ sông Hồng ở Bình Thanh ngược lên sông Trà Lũ rồi vòng sang hướng tây qua Bình Cách và gặp sông Hóa ở Tô Hồ.

Tuổi của đường bờ này xác định theo lịch sử hình thành các huyện Kiến Xương và Đông Hưng (trên 1600 năm).

3. Đường bờ biển đầu thế kỷ XIX. Việc xác định đường bờ này căn cứ theo bản đồ các vùng khai hoang của Nguyễn Công Trứ (1828–1830) có kết hợp với việc phân tích cổ địa mạo và theo chính phương thức đắp đê của Nguyễn Công Trứ. Như vậy, có thể thấy đường bờ biển trước khi Nguyễn Công Trứ tổ chức khai hoang 1828 chạy từ An Tử Hạ qua Vĩnh Trung, Đồng Cách lên Nam Đồng rồi chạy giữa hai con sông Long Hậu và Mã Cảnh, cắt qua sông Trà Lí ở Xuân Hòa Giáo. Nghĩa là nó không hoàn toàn men theo ranh giới vùng khai hoang của Nguyễn Công Trứ.

4. Đường bờ biển 1828–1830. Từ thời gian này trở đi, sự hình thành các đường bờ biển trong khu vực nghiên cứu đều có sự tác động rất tích cực của con người do việc khai đê lấn biển. Vì vậy thời gian tồn tại và vị trí trên bản đồ của chúng hoàn toàn được xác định chính xác nhờ các tài liệu lịch sử.

Đường bờ biển 1828–1830 được hình thành khi Nguyễn Công Trứ tổ chức đắp đê biển dọc bờ phải sông Cà (1828). Phần phía nam khu vực nghiên cứu từ cửa Lân đến cửa Ba Lạt được hình thành sau khi tuyến đê Bệ «chạy dọc vịnh Bắc Bộ từ làng Đoàn Đông đê đi đến âu thuyền Lân» đắp xong năm Minh Mệnh IX (1828 — Phan Đại Doãn 1978). Có lẽ thực tế đê Bệ được đắp sau đê Nguyễn Công Trứ (Ven sông Cà) một vài năm (1828–1830).

5. Đường bờ biển 1892–1900. Cơ bản chạy sát chân đê Long Thành (từ cửa Ba Lạt đến cửa Lân), chân đê Bạch Long (từ cửa Trà Lí đến cửa Lân), chân đê Quan (từ cửa Trà Lí đến cửa Diêm Điền) và sát chân đê đường 218 (từ cửa Diêm Điền đến cửa Thái Bình). Đoạn từ cửa Trà Lí xuống cửa Ba Lạt được lấp năm Thành Thái IV (1892–Phan Đại Doãn 1978) các đoạn còn lại được đắp trong khoảng từ 1892 đến 1900.

6. Đường bờ biển 1955–1956 và 1962–1963. Đường bờ năm 1955–1956 chủ yếu đắp mới ở hai khu vực từ cửa Lân đến cửa Trà Lí và từ cửa Diêm Điền đến cửa Thái Bình. Đoạn đê từ cửa Lân đến cửa Ba Lạt đắp năm 1962–1963 còn khu vực từ cửa Trà Lí đến cửa Diêm Điền chỉ đắp mới ở đoạn phía nam (thuộc Tân bồi) còn phía bắc vẫn giữ nguyên tuyến đê 1892–1900.

7. Đường bờ biển sau 1974. Chủ yếu là các tuyến đê bao mới có hình vòng cung hoặc hình gần kéo được đắp từng đoạn ven các cửa sông lớn: đê xã Nam Hưng, đê đồn Tân bồi, đê xã Hưng Đạo, ...

## NHẬN XÉT VỀ SỰ TIẾN TRIỂN CỦA ĐƯỜNG BỜ CÓ LIÊN QUAN TỚI CÁC TUYẾN ĐÊ BIỂN

Qua nghiên cứu lịch sử tiến triển của đường bờ biển Thái Bình chúng tôi thấy có những đặc điểm nổi bật sau:

1. Trong số đường bờ tồn tại ở khu vực nghiên cứu có 3 đường bờ tự nhiên và 4 đường bờ có sự tham gia tích cực của con người do hoạt động khai đê lấn biển. Các đường bờ tự nhiên (đường bờ Holoxen muộn  $Q_{IV}^2$ , đường bờ thế kỷ X và đường bờ đầu thế kỷ XIX) hiện nay không còn thể hiện rõ trên bề mặt địa hình do bị các quá trình thứ sinh và con người tác động phá hủy hình thái nguyên thủy.

2. Tốc độ lấn ra biển của các đường bờ được trình bày ở đây là tốc độ đặc trưng ( $V_{dt}$ ), không phải là trung bình cộng của tốc độ lớn nhất ( $V_{max}$ ) và

tốc độ nhỏ nhất ( $V_{\min}$ ) mà là tốc độ điển hình cho đoạn bờ và các số liệu hiện trên bảng được tính toán trên bản đồ địa hình tỉ lệ 1/50.000.

Có thể khẳng định rằng, tốc độ lấn ra biển ở duyên hải Thái Bình không lớn. Trị số đặc trưng trung bình cho toàn khu vực chỉ khoảng 25m/năm. Những khu vực có độ lấn rất nhỏ, dưới 10m/năm. Tốc độ lấn cao nhất gặp ở cửa Thới Bình và cửa Ba Lạt (giữa các tuyến đê 1955 và 1961; 1962—1963 và 1974). Tuy nhiên trị số này cũng chỉ giới hạn ở hai tuyến đê nằm sát biển và có diện tích không lớn.

## MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ CHO VIỆC LẤN BIỂN VÀ BẢO VỆ ĐÊ BIÊN Ở MIỀN DUYÊN HẢI THÁI BÌNH

Dựa trên những kết luận rút ra trong quá trình nghiên cứu sự tiến triển của đường bờ biển Thái Bình trong giai đoạn Holocen muộn — hiện đại nêu trên, chúng tôi có một số đề nghị cụ thể sau đây:

1. Có thể khẳng định rằng, đến nay những miền đất ven biển Thái Bình thuận lợi cho việc lấn biển đều đã được khai thác cả rồi. Diện tích bãi biển còn lại thường chưa đủ cơ sở tự nhiên để đảm bảo cho việc lấn biển, nhất là cơ sở về bồi tích. Bất cứ vùng nào được khai mới cũng là «*non*» và cũng sẽ trở thành một vùng trũng với tất cả những khó khăn về thủy lợi và rửa mặn. Mặc khác việc đắp thêm tuyến đê mới cũng mang lại nhiều bất lợi về bồi tích và mọc sinh như đã nêu trên đây. Vì vậy theo chúng tôi, trong thời gian trước mắt, nên tạm đình chỉ việc đắp thêm các tuyến đê mới ở vùng này.

2. Đề giải quyết các vấn đề kinh tế ở miền duyên hải Thái Bình, nên đổi hướng chiến lược từ khai thác lấn biển sang hướng qui hoạch, nuôi cấy hải sản, nước mặn và nước lợ (tôm, cá, rươi, ...) là hướng mà hiện nay Thái Bình chú ý khai thác.

### TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

1. Phan Đại Doãn. Tìm hiểu công cuộc khai khẩn thành lập hai huyện Thiệp Hải — Kim Sơn đầu thế kỉ XIX. Tập san «*Nghiên cứu lịch sử*» số 3-1978.
2. Nguyễn Văn Đa, Nguyễn Công Trứ, nhà khẩn hoang lỗi lạc của thế kỉ XIX. Tập san «*Nghiên cứu kinh tế*» số 47—1969.
3. Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Công Trứ. NXB Văn hóa 1983.
4. Lê Bá Thảo. Một vài vấn đề về động lực các bãi phù sa biển ở ven châu thổ Bắc Bộ. Tập san «*Sinh vật địa học*». Tập III số 2—1964.

### SUMMARY

#### SHORELINE CHANGE ON THE THAI BINH COAST IN LATE — HOLOCENE AND DAMB — BUILDING

N. Đ. Kha

Thái Bình province comprised the S.E. part of Delta Bac-Bo (The Red river delta) It formed in Late — Holocene. There are seven shorelines forming in differential Evolutionary periods: Late — Holocene: X century, XIX—Century, 1828—1830 y, 1892 — 1900 y, 1955—1956 y., 1962—1963 y., and 1974 y.

The author has done conclusion on Evolutionary process of mentioned shorelines and on damb — building on the Thai Binh Coast.